TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2019.
V/việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm P - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mã Siêu.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST- KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX-ST ngày 29/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

Địa chỉ: Số xyz, THĐ, quận H1, Thành phố H2.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Quang Th, Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C, Chi nhánh TB *(có mặt)*.

2. Ông Phạm Minh T, Phó trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C, Chi nhánh TB *(có mặt)*.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1969.

Và bà Trương Thị M, sinh năm 1972.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn P: Anh Phạm Văn H (là con trai ông P).

Đều có địa chỉ tại: Thôn VT, xã NT, huyện T1, Thái Bình.

(ông P, bà M và anh H đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M có vay tiền của Ngân hàng TMCP C, Chi nhánh TB -Phòng giao dịch T1 theo Hợp đồng tín dụng số 3107/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 31/7/2014, loại vay ngắn hạn, số tiền vay: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); lãi suất là 10,5%/ năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/01 lần; lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên 31/7/2014); phương thức trả là trả lãi hàng quý vào ngày 30 cuối quý. Ngày 31/7/2015 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi; mục đích vay là dùng để thanh toán các chi phí mua ngao giống. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M trả nợ đúng cam kết, tính đến hết tháng 6/2019 ông P và bà M đã trả cho Ngân hàng được tổng số 8.050.000 đồng tiền lãi (29/9/2014); ông P và bà M chưa trả nợ gốc cho Ngân hàng. Tính đến ngày 20/9/2019, ông P và bà M còn nợ Ngân hàng số tiền là 839.984.722 đồng (Tám trăm ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi tư nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng) trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 40.734.722 đồng và lãi quá hạn là 299.250.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, ông P và bà M có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số xy, tờ bản đồ số z đo đạc năm 1995 có diện tích 393.0m2 tại thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AKxyz, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số H xyz do Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình cấp ngày 27/7/2009 mang tên ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 84/HĐTC ngày 30 tháng 7 năm 2012, đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.

Về phía bị đơn: Tại đơn đề nghị ngày 22/7/2019, anh Phạm Văn H, người được ông Phạm Văn P ủy quyền (là con trai ông P) có ý kiến: năm 2011, gia đình anh có vay của Ngân hàng TMCP C số tiền 500.000.000 đồng để nuôi trồng thủy hải sản phát triển kinh tế gia đình theo chủ trương của Đảng và Nhà nước nhưng không may năm 2012 xảy ra rủi ro thiên tai đã cướp đi tất cả tài snar của gia đình anh, khiến gia đình anh mất trắng, có nguy cơ phá sản. Sau đó gia đình anh có cố gắng trả thêm lãi suất một thời gian nữa thì không còn khả năng chi trả. Anh đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để gia đình anh trả trong tương lai. Gia đình anh sẽ cố gắng trả nợ gốc, còn lãi suất thì gia đình không có khả năng chi trả. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/8/2019, anh Phạm Văn H trình bày: Gia đình anh hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như trình bày. Gia đình anh có nguyện vọng trả toàn bộ số tiền nợ gốc trong tương lai, hàng năm gia đình anh tích cóp được bao nhiêu thì chúng tôi sẽ trả vào nợ gốc. Về nợ lãi và lãi quá hạn gia đình anh không có khả năng chi trả. Biên bản có chữ ký của anh H, ông P và bà M.

Tại phiên tòa anh H, ông P và bà M trình bày: Thực tế ông P, bà M có vay của Ngân hàng TMCP C. Nay gia đình đề nghị được trả dần tiền gốc, mỗi năm trả ít nhất 30 triệu đồng, nếu làm ăn thuận lợi sẽ trả nhiều hơn và xin toàn bộ tiền nợ lãi; gia đình đề nghị Ngân hàng giải ngân lần 2 để có vốn sản xuất kinh doanh để trả

nợ cho Ngân hàng. Đại diện Ngân hàng TMCP C không đồng ý với đề nghị của bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M có vay tiền của Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng số 3107/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 31/7/2014, mục đích vay là dùng để thanh toán các chi phí mua ngao giống. Ông P và bà M đều có địa chỉ tại thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện T1 thụ lý giải quyết vụ kiện về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng. Lĩnh vực hoạt động có hoạt động tín dụng là cho vay. Bị đơn trong vụ án là ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M nuôi ngao kinh doanh. Hợp đồng tín dụng số 3107/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 31/7/2014 giữa Ngân hàng TMCP C, Chi nhánh TB - Phòng giao dịch T1 và ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M ký kết đều nhằm mục đích lợi nhuận, vì vậy Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP và ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy đinh tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 3107/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 31/7/2014 giữa Ngân hàng TMCP C, Chi nhánh TB - Phòng giao dịch T1 và ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M ký kết thì chậm nhất là ngày 31/7/2015, bên vay phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, đến thời hạn trên, ông P, bà M chỉ thanh toán được 8.050.000 đồng tiền lãi, không thanh toán được toàn bộ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc và có các biên bản làm việc với khách hàng, tại biên bản làm việc ngày 10/6/2019 giữa Ngân hàng và ông P, Ngân hàng đã thông báo cho ông P về số tiền nợ gốc và lãi ông P, bà M nợ Ngân hàng, ông P ký vào biên bản làm việc và không có ý kiến gì. Do quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm, Ngân hàng TMCP C khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[4] Sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C, Tòa án nhân dân huyện T1 đã ra Thông báo thụ lý; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Phạm Văn P, bà Trương Thị M và anh Phạm Văn H; ông P, bà M và anh H đã đến Tòa án và thể hiện quan điểm của mình.

[5] Về nội dung:

[5.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận: Giữa Ngân hàng TMCP C, Chi nhánh TB - Phòng giao dịch T1 và ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M có ký kết Hợp đồng tín dụng số 3107/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 31/7/2014, loại vay ngắn hạn, số tiền vay:

500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); lãi suất là 10,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/01 lần; lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên 31/7/2014); phương thức trả là trả lãi hàng quý vào ngày 30 cuối quý. Ngày 31/7/2015 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi; mục đích vay là dùng để thanh toán các chi phí mua ngao giống. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M trả nợ đúng cam kết, tính đến hết tháng 6/2019 ông P và bà M đã trả cho Ngân hàng được tổng số 8.050.000 đồng tiền lãi (29/9/2014); ông P và bà M chưa trả nợ gốc cho Ngân hàng. Tính đến ngày 20/9/2019, ông P và bà M còn nợ Ngân hàng số tiền là 839.984.722 đồng (Tám trăm ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi tư nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng) trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 40.734.722 đồng và lãi quá hạn là 299.250.000 đồng.

[5.2] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi: Việc đến hạn trả nợ gốc và lãi ông P và bà M không thực hiện đầy đủ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận: Buộc ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M phải trả nợ gốc đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 3107/2014-HĐTD/NHCT360 ngày 31/7/2014 với số tiền là 500.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ngân hàng TMCP C yêu cầu ông P và bà M phải trả lãi và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 01/9/2014 với mức lãi suất không quá 10%/năm, lãi phạt bằng 50% tiền lãi trong hạn. Xét mức lãi suất Ngân hàng C yêu cầu phù hợp với mức lãi suất và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật nên chấp nhận. Ông P và bà M phải trả tiền lãi và lãi quá hạn cho Ngân hàng TMCP C từ ngày 01/9/2014 đến ngày 20/9/2019 là 339. 984.722 đồng, trong đó lãi trong hạn là 40.734.722 đồng và lãi quá hạn là 299.250.000 đồng.

[5.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông P và bà M có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số xy, tờ bản đồ số z đo đạc năm 1995 có diện tích 393.0m2 tại thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AKxyz, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số H xyz do Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình cấp ngày 27/7/2009 mang tên ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 84/HĐTC ngày 30 tháng 7 năm 2012, đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định. Vì vậy, tài sản trên phải được dùng để đảm bảo số nợ trên. Trong P hợp ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông P và bà M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng. Ông P và bà M có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

[7] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP C được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông P và bà M phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là (36.000.000đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000đồng), cụ thể: 36.000.000đồng + (41.984.722 đồng x 3%) = 38.059.542 đồng (ba mươi tám triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng).

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 306; Điều 319 Luật thương mại. Điều 342, 351, 471, 474, 715 và 721 Bộ luật dân sự 2005. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 20/9/2019 là 839.984.722 đồng (Tám trăm ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi tư nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng) trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 40.734.722 đồng và lãi quá hạn là 299.250.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 84/HĐTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số xy, tờ bản đồ số z đo đạc năm 1995 có diện tích 393.0m2 tại thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh Thái Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AKxyz, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số Hxyz do Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình cấp ngày 27/7/2009 mang tên ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M.

3.Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ**:** Ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M phải chịu số tiền án phí là 38.059.542 đồng (ba mươi tám triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009156 ngày 09/7/2919 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Phạm Văn P và bà Trương Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T1
-Các đương sự
-TAND tỉnh Thái Bình

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM P - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

-Lưu Hồ sơ.

Đồng Ngọc Huyền